

THE UNIVERSITY OF DANANG  
VN-UK Institute for Research & Executive  
Education  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt – Anh

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Liberty - Happiness  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**UNDERGRADUATE PROGRAMME**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

Type of Degree: **Bachelor in International Business and Management** (Trình độ đào tạo: Đại học)

Major (Ngành): **International Business and Management** Code (Mã ngành): BEB23031

**1. Course information** (Thông tin chung)

<b>1.1</b>	<b>Course Code</b> (Mã học phần): BEB23031		
<b>1.2</b>	<b>Course Name</b> (Tên học phần): Global Enviroment of Business		
<b>1.3</b>	<b>Total of Course Credits</b> (Tổng số tín chỉ): 3		
<b>1.4</b>	<b>Semester</b> (Semester, year) (Học kỳ (Học kỳ, năm học): I/2023-2024		
<b>1.5</b>	<b>Class time</b> (Days of the week and class start and finish times): Once a week, 07/09/2023 and 14/12 Giờ học (Ngày học, giờ bắt đầu và giờ kết thúc): Thursday, 01:30 p.m – 04:10 p.m		
<b>1.6</b>	<b>Time Allocation</b> (Phân bổ thời gian) <sup>(1) (2) (3)</sup>		
	Course attendance (Học tại lớp): 37.5 hours	Writing assignments (Bài tập dạng viết): 20 hours	Online interaction (Tương tác trực tuyến) : none
	Assigned readings (Đọc bài được giao): 20 hours	Lab or workshop (Thực hành hay workshop): none	Performances/creative activities (Hoạt động sáng tạo) none
	Project (Dự án): 35 hours	Field work/experience (Trải nghiệm thực tế): none	
	<b>Total hours (Tổng số giờ):</b>		112.5 hours
<b>1.7</b>	<b>Lecturers</b> (Giảng viên phụ trách):		
	- Instructor(s) in charge (Giảng viên phụ trách chính): Email:		
	- Co-lecturer(s) (Giảng viên cùng giảng dạy): Email:		
	- Teaching Assistant (Trợ giảng): Email:		
<b>1.8</b>	<b>Course Conditions</b> (Điều kiện tham gia học phần)		
	- Prerequisites (Học phần tiên quyết):		
	- Co-requisites (Học phần học trước/ song hành): Intro to Economics		

## 2. Course Description (*Mô tả học phần*)

This course provides students with a deep understanding of global differences in politics, economics, and culture, along with insights into the global financial system and trade policies. Students engage with industry experts and take company field trips for real-world learning. They also work in tem to analyze the potential of a specific country as a market for a compnay.

## 3. Course Objectives (*Mục tiêu của học phần*)

The course aim to equip students with knowledge, tool, and skills to analyze the macro context, identify and evaluate business opportunities, seize the deals, and effciently manage their risk exposures to the global economy. Through various research exercises and a final group project, students will develop the skills to collect and evaluate data as well as to apply critical thinking in macro enviroment analysis.

## 4. Course Learning Outcomes (CLO) (*Chuẩn đầu ra học phần (CLO) (4)*)

**Table 1. Course Learning Outcomes (Bảng 1. Chuẩn đầu ra học phần)**

At the end of the course, students will be able to (*Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng*):

Code ( <i>Mã</i> )	Course Learning Outcomes ( <i>Chuẩn đầu ra học phần</i> )
CLO 1	Understand the drivers and trends of globalization and the impacts of globalization to international business
CLO 2	Analyze the differences in the political-economic systems, culture, and levels of economic development
CLO 3	Identify and assess Ethics, CSR, Responsibility, Sustainability in international business
CLO 4	Discuss the viewpoints and policies of governments in international trade and investment and analyze their impacts on international businesses
CLO 5	Conduct a macro enviroment report using data collection/evaluation and critical thinking
CLO 6	Develop teamwork and (oral and written) communication skills via group projects and other collaborative exercises

## 5. Matrix between Course Learning Outcomes and Programme Learning Outcomes (*Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR của Chương trình đào tạo (PLO)*)

**Table 2. Matrix between Course Learning Outcomes and Program Learning Outcomes (Bảng 2. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR Chương trình đào tạo (PLO))<sup>1</sup>**

<sup>1</sup> The extent to which CLO contributes to PLO is specifically determined (*Mức độ đóng góp của CDR học phần đối với CDR CTĐT được xác định cụ thể*):

- **I (Introductory)** (*Giới thiệu*): indicates that students are introduced to the outcome (*nghĩa là học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*)

	PLO1	PLO2	PLO 3	PLO4	PLO5	PLO6
CLO1		I				
CLO2		R				
CLO3						
CLO4		R				
CLO5		R			I	I
CLO6						R
Course (Học phần)		R			I	R

## 6. Course Schedule (Kế hoạch giảng dạy)

**Table 3. Course schedule by week (Bảng 3. Kế hoạch giảng dạy theo tuần)**

Week (Tuần)	Main content (Nội dung chính)	Number of periods (Số tiết)	Relevant CLO in Table 1 (Chuẩn đầu ra (CLO) liên quan)	Teaching methods (Phương pháp giảng dạy)	Student's learning activities (Hoạt động học của sinh viên)	Assessment code (Mã đánh giá)
1	Introduction to GEB  Globalization	3	CLO 1 CLO 5 CLO 6	Lecture	Group activity	A1 A2
2	National differences in political system	3	CLO 2 CLO 5 CLO 6	Lecture	Individual exercise	A1 A2
3	National differences in economic system and legal system	3	CLO 2 CLO 5 CLO 6	Lecture	Team exercise	A1 A2

• **R (Reinforced and opportunity to practice)** (Tăng cường củng cố và cơ hội thực hành): indicates the outcome is reinforced and students afforded opportunities to practice (nghĩa là sinh viên được củng cố kiến thức, kỹ năng và có cơ hội thực hành)

• **M (Mastery at the senior or exit level)** (Thành thạo ở cấp độ cao cấp hoặc xuất sắc): indicates that students have had sufficient practice and can now demonstrate mastery (học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo)

<b>4</b>	National differences in Economic Development	3	CLO 2 CLO 5 CLO 6	Lecture	Individual exercise	A1 A2
<b>5</b>	Differences in Culture	3	CLO 2 CLO 5 CLO 6	Lecture	Team exercise	A1 A2
<b>6</b>	Benefit – cost - risk analysis	3	CLO 2 CLO 5 CLO 6	Lecture	Case study	A1
<b>7</b>	Ethics, CSR, Responsibility, Sustainability	3	CLO 3 CLO 5 CLO 6	Lecture	Team exercise	A1
<b>8</b>	International Trade theory	3		Practical exercise	Group activity	A1
<b>9</b>	Government policy in international trade	3	CLO 4 CLO 5 CLO 6	Lecture	Case study	A2.2
<b>10</b>	Government policy in international trade	3	CLO 4 CLO 5 CLO 6	Lecture	Team exercise	A1
<b>11</b>	Foreign Direct Investment (FDI)	3	CLO 4 CLO 5 CLO 6	Lecture	Individual exercise	A1
<b>12</b>	Foreign Direct Investment (FDI)	3	CLO 4 CLO 5 CLO 6	Lecture	Case study	A1
<b>13</b>	Group Presentation	3	CLO 2 CLO 4 CLO 5 CLO 6	Tutorial Seminar	Group project based	A3.1

14	Group Presentation	3	CLO 2 CLO 4 CLO 5 CLO 6	Tutorial Seminar	Group project based	A3.1
15	Guest speaker or field trip	3	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5			A2.4

## 7. Course Assessment <sup>(5)</sup> (Kiểm tra đánh giá học phần)

### 7.1. Methods of assessment

**Table 4.1. Methods of assessment (Bảng 4.1. Các phương pháp kiểm tra đánh giá)**

Assessment components (Thành phần kiểm tra đánh giá)		Weighting/ (%) (Trọng số)	Requirements (Topic) (Yêu cầu, hoặc nội dung đánh giá)	Method (PP kiểm tra đánh giá)	Relevant CLO in Table 1 (Chuẩn đầu ra (CLO) liên quan)	Data for PLO/PI measurement (Dữ liệu đo PLO/PI)
A.1. Continuous Assessment (Đánh giá quá trình)	A.1 Participation (Chuyên cần)	10%	All chapters	Class participation In class exercise Individual and group assignment	CLO 1,2,3,4,5,6	
A.2. Progressive assessment	A.2 Quizzes Test (Kiểm tra)	50%	Five quizzes	Closed book exam ; Multiple Choice, short and long answers, Eassay	CLO 12,3,4,5	
A.3. Final assessment (Đánh giá cuối kỳ)	A.3 Final presentation and report	40%	Final	Macro environment project	Clo 1,2,3,4,5,6	

### 7.2. Assessment schedule

**Table 4.2. Assignment schedule (Bảng 4.2. Kế hoạch kiểm tra đánh giá)**

Week (Tuần)	Assessment (Bài kiểm tra đánh giá)	Due date (Hạn nộp bài)	Policy (Open book or not) (Quy định – Đề mở hay đóng)	Assessment code (Mã đánh giá)
2,4,5,10,11	A.2 Quizzes Test		Closed book	

### 7.3. Description of assignments (Optional) <sup>(5)</sup> (Yêu cầu về bài tập) (Phần này là tùy chọn với GV)

A detailed breakdown of course assignments, including assignment descriptions, method of assessment/evaluation, and point value (Chi tiết các bài tập của học phần này và ngày đến hạn theo mô-đun bài học. Bao gồm mô tả bài tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá và điểm.)

**Table 4.3. Description of assignment**

Assessment Code (Mã bài tập)	Method of Assessment (Phương pháp đánh giá) <sup>2</sup>	Assignment Description (Mô tả bài tập)	Total Points (Tổng điểm)
<b>Total Possible Points (Tổng điểm)</b>			100

### 8. Course Materials (Tài liệu học tập)

**Table 5.1. Required textbooks and reference books (Bảng 5.1. Giáo trình bắt buộc và tài liệu tham khảo)**

No. (STT)	Author(s) (Tác giả)	Year of publication (Năm xuất bản)	Title (Tiêu đề)	Publisher (Nhà xuất bản)
<b>Main course books (Giáo trình chính)</b>				
1	Charles W. L. Hill & G. Tomas M. Hult	2019	International Business – Competing in the Global Market Place, 13 <sup>th</sup> Edition	McGraw-Hill Education
<b>References (Tài liệu tham khảo)</b>				
2	Cavusgil Knight, & Reisenberger	2016	International Business	McGraw-Hill Education

**Table 5.2. Useful websites (Bảng 5.2. Các trang web hữu ích cho học tập)**

No	Content (Nội dung)	Links (Liên kết)	Date updated (Năm cập nhật)
1.	The economist	<a href="https://www.economist.com/">https://www.economist.com/</a>	
2.	The Wall Street Journal	<a href="https://www.wsj.com/">https://www.wsj.com/</a>	
3.	Bloomberg	<a href="https://www.bloomberg.com/asia">https://www.bloomberg.com/asia</a>	
4	Nikkei Asia	<a href="https://asia.nikkei.com/">https://asia.nikkei.com/</a>	

### 9. Teaching aids required (Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy):

<sup>2</sup> Formative or summative assessment

## **10. Policies/regulations for students / Attendance Policy** (*Các quy định của học phần đối với sinh viên/ Quy định về chuyên cần*)

### **Academic Integrity Code**

*Academic integrity is an essential part of the educational process, and all members of the VNUK community take these matters very seriously. As the instructor for this course, my role is to provide clear expectations and uphold them in all assessments. Violations of academic integrity occur when students fail to cite research sources properly, engage in unauthorized collaboration, falsify data, and otherwise violate the Code of Academic Integrity. If you have any questions about whether or not particular academic practices or resources are permitted, you should ask me for clarification. If you are reported for an academic integrity violation, you should contact Student Affairs to learn more about your rights and options in the process. Consequences can range from failure of assignment to expulsion from the University and may include a transcript notation.*

### **Quy tắc Liêm chính học thuật**

*Liêm chính học thuật là một phần thiết yếu của quá trình giáo dục, và tất cả các thành viên của VNUK đều rất coi trọng vấn đề này. Là giảng viên của học phần này, vai trò của tôi là đưa ra những kỳ vọng rõ ràng và duy trì những kỳ vọng đó trong tất cả các hoạt động đánh giá. Vi phạm về liêm chính học thuật nghĩa là khi sinh viên không trích dẫn đúng các nguồn tài liệu nghiên cứu, tham gia cộng tác trái phép, làm sai lệch dữ liệu và vi phạm Quy tắc về liêm chính trong học thuật. Nếu sinh viên có bất kỳ câu hỏi nào về việc một hành động hoặc một tài nguyên học thuật cụ thể nào đó có được cho phép hay không, sinh viên nên hỏi giảng viên để làm rõ. Nếu sinh viên bị đánh giá là vi phạm liêm chính trong học tập, sinh viên nên liên hệ với Bộ phận Công tác Sinh viên để tìm hiểu thêm về các quyền và lựa chọn của mình trong quá trình này. Hậu quả có thể bao gồm từ việc không đạt học phần đến việc bị đuổi khỏi trường Đại học và có thể bao gồm cả việc ghi chú trong bảng điểm.*

Other policies regulated by the lecturer(s). (*Các chính sách khác theo yêu cầu của giảng viên*).

Ex (Ví dụ): Collaboration (*Sự hợp tác*)

Late Work (*Nộp bài trễ hạn*)

Classroom conduct (*Ứng xử trong lớp học*)

## **11. Support for students outside the classroom**

**Department of *Interntional Business Management*** (*Tổ/Bộ môn Quản trị và kinh doanh quốc tế*)

If the students face any academic issues such as assessing to the instructors, accessing to the LMS, please contact the secretary of the department at Business and Management Department ([ibm@vnuk.udn.vn](mailto:ibm@vnuk.udn.vn))

*(Nếu sinh viên gặp bất kỳ vấn đề nào về học thuật như đánh giá với giảng viên, truy cập LMS, vui lòng liên hệ thư ký khoa tại Khoa Quản trị và kinh doanh ([ibm@vnuk.udn.vn](mailto:ibm@vnuk.udn.vn)))*

**Counseling Services – Student Support** (*Dịch vụ tư vấn – Hỗ trợ sinh viên*) **0236 3738399**

VNUK Students Affairs offers counseling services, supporting mental health and personal development by collaborating directly with students to overcome challenges and difficulties that may interfere with academic, emotional, and personal success.

Tổ Công tác Sinh viên VNUK cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ sức khỏe tinh thần và phát triển cá nhân bằng cách hợp tác trực tiếp với sinh viên để vượt qua những thách thức và khó khăn có thể cản trở thành công trong học tập, tình cảm và cá nhân của sinh viên.

Da Nang, 15/11/2023

(Ngày/tháng/năm)

**Approved by**  
(Phê duyệt bởi)

**(Faculty)**  
(Khoa)

**Prepared by (Được soạn bởi)**  
**(Lecturer)( Giảng viên)**

- 
- (1) Faculty needs to calculate the average minimum amount of independent learning expected per week for inclusion on the syllabus: for each credit, students are expected to spend a minimum of 100 minutes in independent learning for every 50 minutes of direct instruction for a minimum total of 2.5 hours per week or 37.5 hours for the semester. A 3-credit course, for example, would include 2.5 hours of direct instruction and a minimum of 5 hours of independent learning per week for a combined minimum total of 7.5 hours per week or 112.5 hours per semester.  
*Khoa/Tổ/Bộ môn cần tính toán thời lượng tự học trung bình tối thiểu dự kiến mỗi tuần để đưa vào đề cương chi tiết: đối với mỗi tín chỉ, sinh viên phải dành tối thiểu 100 phút tự học cho mỗi 50 phút hướng dẫn trực tiếp tối thiểu tổng cộng 2,5 giờ mỗi tuần hoặc 37,5 giờ cho học kỳ. Ví dụ, một học phần 3 tín chỉ sẽ bao gồm 2,5 giờ hướng dẫn trực tiếp và tối thiểu 5 giờ tự học mỗi tuần với tổng số tối thiểu là 7,5 giờ mỗi tuần hoặc 112,5 giờ mỗi học kỳ.*
  - (2) Faculty may wish to use the "[course workload estimator](#)" developed by Rice University. This tool allows the user to estimate how much time to allot for different types of reading assignments.  
*Khoa có thể "công cụ ước tính khối lượng công việc của học phần" do Đại học Rice phát triển. Công cụ này cho phép người dùng ước tính lượng thời gian cần phân bổ cho các loại bài tập đọc khác nhau.*
  - (3) Check "Definition of term" at the end of this document for clarification.  
*Xem "Định nghĩa các khái niệm" ở cuối đề cương chi tiết này.*
  - (4) VNUK suggests 7-8 CLOs/ course  
*Đề xuất 7-8 CLOs cho mỗi học phần.*
  - (5) Please attach list of full-text rubric as appendix of syllabus  
*Vui lòng đính kèm theo Đề cương chi tiết này toàn bộ hướng dẫn chấm bài tập và bài kiểm tra đánh giá.*



**Definition OF Terms** (*Định nghĩa các khái niệm*)

<b>Course attendance</b> ( <i>Học tập trên lớp</i> )	<p>Actual time student spends in class with instructor.</p> <p><i>Thời gian thực tế sinh viên dành trong lớp học với người hướng dẫn.</i></p>
<b>Assigned readings</b> ( <i>Đọc bài được giao</i> )	<p>Estimated time it takes for a student with average reading ability to read all assigned readings.</p> <p><i>Thời gian ước tính để một sinh viên có khả năng đọc trung bình có thể đọc tất cả các bài đọc được giao.</i></p>
<b>Writing assignments</b> ( <i>Bài viết</i> )	<p>Estimated time it takes for a student with average writing ability to produce a final, acceptable written product as required by the assignment.</p> <p><i>Thời gian ước tính cần thiết để một sinh viên có khả năng viết trung bình tạo ra một sản phẩm viết cuối cùng, có thể chấp nhận được theo yêu cầu của bài tập.</i></p>
<b>Project</b> ( <i>Dự án</i> )	<p>Estimated time a student would be expected to spend creating or contributing to a project that meets course requirements (includes individual and group projects).</p> <p><i>Thời gian ước tính mà sinh viên sẽ phải dành để tạo ra hoặc đóng góp cho một dự án đáp ứng các yêu cầu của học phần (bao gồm các dự án cá nhân và dự án nhóm).</i></p>
<b>Lab or workshop</b> ( <i>Thực hành</i> )	<p>Actual time scheduled for any lab or workshop activities that are required but are scheduled outside of class hours.</p> <p><i>Thời gian thực tế được lên lịch cho bất kỳ hoạt động phòng thí nghiệm hoặc thực hành nào được yêu cầu nhưng được lên lịch ngoài giờ học.</i></p>
<b>Field work/experience</b> ( <i>Trải nghiệm thực tế</i> )	<p>Actual or estimated time a student would spend or be expected to spend engaged in required field work or other field-based activities.</p> <p><i>Thời gian thực tế hoặc ước tính mà sinh viên sẽ dành hoặc được yêu cầu sẽ dành để tham gia vào công việc thực địa bắt buộc hoặc các hoạt động thực địa khác.</i></p>
<b>Online activities</b> ( <i>Tương tác trực tuyến</i> )	<p>Actual or estimated time a student would spend or be expected to spend engaged in required online activities.</p> <p><i>Thời gian thực tế hoặc ước tính mà sinh viên sẽ dành hoặc được yêu cầu sẽ dành để tham gia vào các hoạt động trực tuyến bắt buộc.</i></p>
<b>Performances/creative activities</b> ( <i>Hoạt động sáng tạo</i> )	<p>Actual or estimated time a student would spend or be expected to spend outside of class hours engaged in preparing for required performance or creative activity.</p> <p><i>Thời gian thực tế hoặc ước tính mà sinh viên sẽ dành hoặc được yêu cầu sẽ dành ngoài giờ học để chuẩn bị cho hoạt động sáng tạo hoặc biểu diễn được yêu cầu.</i></p>

<b>Learning outcomes</b> <i>(Chuẩn đầu ra)</i>	What are the skills, abilities, or major concepts a student is expected to acquire in this course? If multiple instructors will teach the course, consider which objectives are likely to be common to each instance. <i>Các kỹ năng, khả năng hoặc khái niệm chính mà sinh viên cần đạt được trong học phần này là gì? Nếu nhiều giảng viên cùng dạy học phần này, hãy xem xét mục tiêu nào có khả năng chung cho từng trường hợp.</i>
---	--